

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/KDTM-PT

Ngày 17-8-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Bích Tuyền

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLPT-KDTM ngày 01/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty B. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 11 Tòa nhà C, số 37 đường T3, phường N1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật B1. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8 Tòa nhà T4, số 72-74 Nguyễn Thị Minh K, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2020).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Luật B1: Bà Trịnh Phối Yến N, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 12/2 Nguyễn Bình K1, phường H, thành phố T5, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ liên lạc: Tầng 8 Tòa nhà T4, số 72-74 Nguyễn Thị Minh K, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Hoài T2 là luật sư của Công ty Luật B1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước T- Hộ kinh doanh Phước T. Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T6, huyện T1, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thanh M, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: số 318, Quốc lộ 62, Phường 6, thành phố A, tỉnh Long An (theo Giấy ủy quyền ngày 16/02/2022, có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Phước T- Hộ kinh doanh Phước T, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai của Công ty B, người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Hoàng Long và Bà Trịnh Phối Yến N trình bày:

Ngày 02/01/2020 Công ty B (viết tắt B) và Ông Nguyễn Phước T- Hộ kinh doanh Phước T (viết tắt Phước T) ký Hợp đồng phân phối số LA 20-14 “Hợp đồng”. B đồng ý bán và giao, Phước T đồng ý mua và nhận số lượng lớn thuốc bảo vệ thực vật. Theo yêu cầu đặt hàng của Phước T thì B đã giao hàng Phước T có ký xác nhận nhận đầy đủ hàng hóa, B căn cứ vào các giấy giao hàng ngày 06/12/2019 và ngày 17/01/2020 xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0009606 ngày 10/12/2019 và hóa đơn giá trị gia tăng số 0010835 ngày 20/01/2020 yêu cầu Phước T thanh toán số tiền hàng 2.821.520.436 đồng, đến ngày 08/6/2020 Phước T thanh toán cho B số tiền 2.326.383.786 đồng, còn lại chưa thanh toán số tiền 495.136.650 đồng.

Nay B yêu cầu Phước T trả số tiền nợ 495.136.650 đồng và do chậm trả nợ nên yêu cầu trả lãi 9%/năm tính từ ngày 20/02/2020 đến ngày 06/5/2022 với số tiền lãi 93.382.974 đồng.

Bị đơn Ông Nguyễn Phước T– Hộ kinh doanh Phước T trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của B thì ông không đồng ý, vì Phước T đã thanh toán hết số tiền nợ cho B thông qua Ông Lê Quốc M1 là nhân viên đại diện của B thể hiện sao kê của Ngân hàng S - Chi nhánh B2, nên ông xác định không còn nợ của B.

Đề nghị B cung cấp bản chính đơn đặt hàng của hóa đơn 0009606 của hợp đồng phân phối năm 2019, hóa đơn 10836 và bảng kê chi tiết quá trình thanh toán công nợ để ông xác định ai chuyển số tiền thanh toán. Ngoài ra yêu cầu B cung cấp bản sao kê quá trình thanh toán công nợ của 02 hóa đơn 0009606 và hóa đơn 10835.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện T1 đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B.

Buộc Ông Nguyễn Phước T- Hộ kinh doanh Phước T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B tiền nợ gốc là 495.136.650 đồng và tiền lãi là 98.408.409 đồng. Tổng cộng 593.545.059 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 26/5/2022, Tòa án nhân dân huyện T1 nhận được đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Phước Tđề ngày 26/5/2022 kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Lê Thanh M và Ông Nguyễn Phước T thống nhất trình bày: Ông M1 là người trực tiếp giao dịch với đại lý, nhân danh B để chào bán, giao hàng và nhận tiền thanh toán thuộc bảo vệ thực vật. B đã giao quyền cho Ông M1 thực hiện các công việc này trong thời gian dài nên cho rằng B không ủy quyền cho Ông M1 giao hàng và nhận tiền là không đúng và thực tế nhiều lần bị đơn đưa tiền cho Ông M1 để chuyển khoản thanh toán cho B. Việc Ông M1 nhận tiền của bị đơn không giao lại cho B thì đây là hành vi lừa đảo mà phần lỗi thuộc về B do Ông M1 nhân danh B để giao hàng và nhận tiền thanh toán. Do đó cần đưa Ông M1 tham gia tố tụng mới làm rõ được nội dung vụ án.

Bà Trịnh Phối Yến N và luật sư Hoàng Thị Hoài T2 thống nhất trình bày:

Ông M1 không phải là nhân viên, không nhận lương của B, B chỉ ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với Công ty cổ phần L, Ông M1 là nhân viên của Công ty L thực hiện các công việc quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại cho B theo hợp đồng cung ứng dịch vụ đã ký kết. B không ủy quyền cho Ông M1 giao hàng, thu tiền thanh toán của đại lý, việc đại lý giao tiền cho Ông M1 chuyển khoản thanh toán cho B có nội dung thanh toán tiền hàng của đại lý, đây là quyền của đại lý và Ông M1, B không có quyền ngăn cản. Các giao dịch trước, B và Phước T giao nhận hàng và thanh toán đủ nên B không có ý kiến gì về việc Phước T hay Ông M1 chuyển khoản vào tài khoản của B, chỉ khi Phước T không thanh toán tiếp thì B mới nhắc nợ. Do đó bị đơn cho rằng việc Ông M1 chuyển khoản thanh toán cho B, B không phản đối là đồng nghĩa với việc B ủy quyền cho Ông M1 nhận tiền thanh toán là không đúng.

Đại diện bị đơn cho rằng Ông M1 có hành vi lừa đảo thì đây là quan hệ giữa bị đơn với Ông M1 còn việc mua bán hàng là giao dịch giữa B với Phước T, không liên quan đến hành vi lừa đảo của Ông M1, Phước T không chứng minh đã thanh toán nên phải có nghĩa vụ trả số tiền hàng còn nợ như án sơ thẩm đã xử, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

Phước T không chứng minh được đã thanh toán cho B tiền hàng 465.000.000 đồng mà chỉ cung cấp Giấy xác nhận ngày 05/6/2020 thể hiện Ông T đã đưa cho Ông M1 số tiền 465.000.000 đồng để chuyển khoản thanh toán cho B. Hồ sơ thể hiện Ông M1 là nhân viên của Công ty L mà B và Công ty L có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ để Công ty L quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại cho B. Khi Ông M1 giao dịch với đại lý đều mặc trang phục của B và trên thực tế nhiều lần bị đơn giao tiền hàng cho Ông M1 để thanh toán cho B.

Xét thấy, để làm sáng rõ vụ án cần thiết phải đưa Công ty L và Ông M1 tham gia tố tụng nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào là thiếu sót, chưa đủ cơ sở xác định trách nhiệm của các bên. Vì vậy, đề nghị hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Phước T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Công ty B và Hộ kinh doanh Phước T có ký Hợp đồng phân phối số LA 20-14 ngày 02/01/2020, theo hợp đồng thì B bán hàng thuốc bảo vệ thực vật cho Phước T với giá trị là 2.821.520.436 đồng; hai bên thống nhất là đã giao nhận hàng đúng với giá trị hợp đồng nhưng B cho rằng Phước T thanh toán được

2.326.383.789 đồng còn thiếu 495.136.650 đồng, Phước T thì cho rằng đã thanh toán đủ 2.821.520.436 đồng.

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Ông M1 là nhân viên của Công ty L mà B và Công ty L có ký hợp đồng cung ứng dịch vụ để Công ty L quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại cho B theo phạm vi dịch vụ được mô tả trong từng phụ lục hợp đồng dịch vụ; khi Ông M1 giao dịch với đại lý đều mặc trang phục của B và trên thực tế nhiều lần bị đơn giao tiền hàng cho Ông M1 để thanh toán cho B.

[5] Như vậy, cần xác định phạm vi dịch vụ (được mô tả trong từng phụ lục hợp đồng dịch vụ) cụ thể là như thế nào; trong hoặc ngoài hợp đồng dịch vụ này thì B và Công ty L có thỏa thuận nào liên quan đến việc giao nhận hàng và thanh toán tiền hàng từ các đại lý hay không; Công ty L và/hoặc B với Ông M1 có thỏa thuận nào liên quan đến việc giao nhận hàng và thanh toán tiền hàng từ các đại lý hay không; việc Ông M1 nhận các khoản thanh toán tiền hàng từ bị đơn trước đó thì B và Công ty L có biết hay không. Trong khi theo hợp đồng lao động giữa Công ty L với Ông M1, Văn bản cung cấp thông tin ngày 23/3/2021 của Công ty L gửi cho Tòa án đều thể hiện Ông M1 được cử làm đại diện thương mại và quảng bá cho B và Ông M1 được thực hiện các công việc bao gồm quản lý kênh bán hàng và thu hồi công nợ, chịu trách nhiệm doanh số và hỗ trợ chiến lược bán hàng, những công việc khác theo yêu cầu của quản lý trực tiếp.

[6] Xét thấy, cần làm rõ các vấn đề trên mới xác định được Giấy xác nhận ngày 05/6/2020 (thể hiện Ông T đã đưa cho Ông M1 số tiền 465.000.000 đồng để chuyển khoản thanh toán cho B) chỉ là giao dịch giữa Ông T với Ông M1 do Ông T bị lừa dối hay là giao dịch có sự thống nhất của B và Công ty L, từ đó mới xác định được Ông T đã thanh toán đủ tiền hàng cho B hay chưa.

[7] Vì vậy, cần thiết phải đưa Công ty L và Ông M1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cần thu thập các phụ lục hợp đồng dịch vụ và cần làm rõ các vấn đề nêu trên (bao gồm ý kiến của người quản lý trực tiếp) mới đủ căn cứ giải quyết vụ án. Do đó Hội đồng xét xử cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và đại diện bị đơn tại phiên tòa. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T1.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T1 để giải quyết lại theo thẩm quyền.

2. Hoàn trả cho Ông Nguyễn Phước T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đ (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0004301 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc

